

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂY NINH

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

*(Đã được soát xét)*



## MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 – 4
Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính riêng	5
Báo cáo tài chính riêng đã được soát xét	6 – 34
Bảng cân đối kế toán riêng	6 – 8
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	10
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	11 – 34

ĐI  
C  
RÁCH N  
I VÃ  
À KI  
VI  
NH X

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh, tên giao dịch quốc tế Tây Ninh Rubber Joint Stock Company (sau đây gọi tắt là 'Công ty') trình bày Báo cáo này và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012.

**CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh là Công ty con trực thuộc Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam (Công ty được chuyển đổi từ Công ty TNHH một thành viên Cao su Tây Ninh theo Quyết định số 39/2006/QĐ-TTg ngày 15/02/2006 của Thủ tướng Chính phủ v/v phê duyệt Đề án sắp xếp, đổi mới nông trường quốc doanh trực thuộc Tổng công ty Cao su Việt Nam, Quyết định số 3549/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 21/11/2006 của Bộ NN & PTNT v/v Chuyển Công ty TNHH một thành viên Cao su Tây Ninh thành Công ty cổ phần).

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần lần đầu số 45003000058 ngày 28/12/2006; đăng ký thay đổi lần 2 số 3900242776 ngày 06/7/2011; đăng ký thay đổi lần 3 số 3900242776 ngày 25/5/2012 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở kế hoạch và đầu tư Tỉnh Tây Ninh cấp.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm: Trồng cây cao su - mã ngành 0125; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ (Thi công, xây lắp công trình giao thông) - 4210; Bán lẻ hàng hóa khác mới trong cửa hàng chuyên doanh (Các mặt hàng lưu niệm) - 4773; Sản xuất các sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện (Đồ dùng gia dụng) - 1629; Sản xuất bao bì bằng gỗ (Đóng palet) - 1623; Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác (Dịch vụ rửa xe) - 4520; Lắp đặt hệ thống điện (Lắp đặt mạng lưới điện đến 35 KV) - 4321; Bán buôn tổng hợp (Bán buôn vật tư tổng hợp) - 4690; Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại (Sản xuất thùng phuy sắt) - 2512; Xay xát và sản xuất bột thô (Xay xát hàng nông sản) - 1061; Xây dựng nhà các loại (Xây lắp công trình dân dụng, công nghiệp) - 4100; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (Mua bán xăng, dầu, nhớt, mỡ) - 4661; Xây dựng công trình công ích (Các công trình thể thao, công trình thủy lợi) - 4220; Cửa, xe, bảo gỗ và bảo quản gỗ (cửa, xe gỗ cao su) - 1610; Chuẩn bị mặt bằng (San lấp mặt bằng) - 4312; Nhà hàng dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Dịch vụ ăn uống) - 5610; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (Tổ chức bán đầu giá tài sản) - 8299; Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (Khai hoang và sửa chữa xây dựng cầu đường, khảo sát và thiết kế các công trình xây dựng giao thông) - 7110; Thoát nước và xử lý nước thải (Hệ thống thoát nước, xử lý nước thải) - 3700; Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Công nghiệp hóa chất, phân bón và cao su) - 4669; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chưa sử dụng hoặc đi thuê (Kinh doanh nhà đất) - 6810; Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch (Chế biến cao su nguyên liệu) - 0163; Trồng rừng và chăm sóc rừng (Chăm sóc cây cao su) - 0210; Kiểm tra và phân tích kỹ thuật (Kiểm nghiệm cao su cốm SVR các loại và cao su ly tâm theo TCVN) - 7120./.

Công ty có trụ sở chính đặt tại xã Hiệp Thạnh - huyện Gò Dầu - tỉnh Tây Ninh

Vốn điều lệ của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 300.000.000.000 đồng, tổng số cổ phần là 30.000.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/01 cổ phần.

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012 của Công ty là 101.435.000.192 đồng (cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011 là 168.318.781.748 đồng).

**CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Chúng tôi thấy không phát sinh bất kỳ sự kiện nào có ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Các thành viên Hội đồng quản trị vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông	Hứa Ngọc Hiệp	Chủ tịch
Ông	Lê Văn Chành	Ủy viên
Ông	Trương Văn Minh	Ủy viên
Ông	Nguyễn Thanh Liêm	Ủy viên
Ông	Lê Bá Thọ	Ủy viên

**BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Ban kiểm soát vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà	Đỗ Thị Thanh Vân	Trưởng ban
Ông	Nguyễn Hồng Thái	Ủy viên
Ông	Bùi Thanh Tâm	Ủy viên

**BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Ban Giám đốc vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông	Lê Văn Chành	Tổng Giám đốc
Ông	Trương Văn Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông	Trần Văn Rạng	Phó Tổng Giám đốc

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012 của Công ty được soát xét bởi Công ty TNHH Tư vấn Kế toán và Kiểm toán Việt Nam (AVA).

Kiểm toán viên không có bất kỳ quan hệ kinh tế hoặc quyền lợi kinh tế như góp vốn cổ phần, cho vay hoặc vay vốn từ Công ty, là cổ đông chi phối của Công ty hoặc ký kết hợp đồng gia công dịch vụ, đại lý tiêu thụ hàng hóa...

**CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính riêng cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính riêng;
- Lập các báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính riêng.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/6/2012, kết quả kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Lê Văn Chành**

**Tổng Giám đốc**

*Tây Ninh, Việt Nam*

*Ngày 30 tháng 7 năm 2012*

Số: 1672/BCKT/TC/NV6

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**  
Về Báo cáo tài chính riêng bán niên năm 2012 của Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh**

Chúng tôi đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012 gồm: Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30/6/2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012 được lập ngày 30/7/2012 từ trang 06 đến trang 34 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012 thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo này căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã tiến hành soát xét theo các quy định của các chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện soát xét để có sự đảm bảo vừa phải rằng các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này không còn những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét chủ yếu bao gồm việc phỏng vấn các nhân viên của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích đối với các thông tin tài chính; và do đó công tác soát xét này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công việc kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh tại ngày 30/6/2012, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012 phù hợp với các Chuẩn mực và Hệ thống kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.



**Nguyễn Bảo Trung**

**Phó Giám đốc**

Chứng chỉ kiểm toán viên số 0373/KTV

*Thay mặt và đại diện cho*

**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KẾ TOÁN**

**VÀ KIỂM TOÁN VIỆT NAM (AVA)**

Hà Nội, Ngày 31 tháng 7 năm 2012

**Bùi Đức Vinh**

**Kiểm toán viên**

Chứng chỉ kiểm toán viên số 0654/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính : VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>813.200.269.312</b>	<b>902.377.733.436</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>		<b>513.248.212.216</b>	<b>674.988.426.269</b>
111	1. Tiền	V.01	140.212.618.173	110.585.619.602
112	2. Các khoản tương đương tiền		373.035.594.043	564.402.806.667
120	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>143.670.000.000</b>	<b>32.900.000.000</b>
121	1. Đầu tư ngắn hạn	V.02	143.670.000.000	32.900.000.000
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)		0	0
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>40.812.340.351</b>	<b>66.673.593.735</b>
131	1. Phải thu khách hàng		8.403.765.616	25.318.815.400
132	2. Trả trước cho người bán		10.024.134.978	7.068.127.196
135	5. Các khoản phải thu khác	V.03	23.499.783.179	35.401.994.561
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(1.115.343.422)	(1.115.343.422)
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>		<b>109.676.156.177</b>	<b>125.292.891.801</b>
141	1. Hàng tồn kho	V.04	109.690.384.201	125.307.119.825
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(14.228.024)	(14.228.024)
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>5.793.560.568</b>	<b>2.522.821.631</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		1.353.639.000	0
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		0	0
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	V.05	4.439.921.568	2.522.821.631
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>506.916.651.666</b>	<b>568.880.690.120</b>
210	<b>I- Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>346.049.362.672</b>	<b>350.760.100.941</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.06	258.581.156.925	258.770.536.935
222	- Nguyên giá		461.198.158.346	457.921.884.752
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(202.617.001.421)	(199.151.347.817)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.07	87.468.205.747	91.989.564.006
240	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
250	<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>160.846.588.994</b>	<b>146.846.588.994</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		0	0
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	V.08	25.500.000.000	11.500.000.000
258	3. Đầu tư dài hạn khác	V.09	135.918.644.500	135.918.644.500
259	4. DP giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	V.10	(572.055.506)	(572.055.506)
260	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>20.700.000</b>	<b>71.274.000.185</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.11	0	398.300.185
268	3. Tài sản dài hạn khác	V.12	20.700.000	70.875.700.000
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.320.116.920.978</b>	<b>1.471.258.423.556</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính : VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
300	<b>A . NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>194.466.966.762</b>	<b>344.198.477.557</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>179.012.526.867</b>	<b>329.903.711.642</b>
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	V.13	2.138.608.614	4.425.268.281
312	2. Phải trả người bán		1.055.889.291	2.576.805.179
313	3. Người mua trả tiền trước		29.514.069.413	38.829.251.302
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.14	6.668.737.977	8.192.493.753
315	5. Phải trả người lao động		72.365.855.762	194.407.146.319
316	6. Chi phí phải trả	V.15	135.375.727	702.227.286
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	V.16	38.539.170.666	4.576.210.978
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		28.594.819.417	76.194.308.544
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>15.454.439.895</b>	<b>14.294.765.915</b>
331	1. Phải trả dài hạn người bán		0	0
334	4. Vay và nợ dài hạn	V.17	8.690.974.082	8.690.974.082
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		6.763.465.813	5.603.791.833
400	<b>B . VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>1.125.649.954.216</b>	<b>1.127.059.945.999</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	V.18	<b>1.125.649.954.216</b>	<b>1.127.059.945.999</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		300.000.000.000	300.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		0	0
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu		0	0
414	4. Cổ phiếu quỹ (*)		(23.938.315.832)	(23.938.315.832)
415	5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		0	0
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		0	(755.008.025)
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		687.883.654.764	407.423.011.922
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		60.269.615.092	60.269.615.092
419	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		0	0
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		101.435.000.192	384.060.642.842
421	11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		0	0
430	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
432	1. Nguồn kinh phí		0	0
433	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		0	0
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.320.116.920.978</b>	<b>1.471.258.423.556</b>



CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
1. Tài sản thuê ngoài		0	0
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		950.630.948	950.630.948
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			0
4. Nợ khó đòi đã xử lý		1.519.655.163	1.519.655.163
5. Ngoại tệ các loại			
- Đồng đô la Mỹ		5.909.046,21	4.003.825,66
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		0	0



Người lập biểu  
Trần Thị Tố Anh  
Tây Ninh, Việt Nam  
Ngày 30 tháng 7 năm 2012



Kế toán trưởng  
Trần Ngọc Ân



Tổng Giám đốc  
Lê Văn Chành

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH RIÊNG**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

Đơn vị tính : VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.19	348.539.460.078	465.730.479.495
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.20	3.014.921.916	0
10	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp DV	VI.21	345.524.538.162	465.730.479.495
11	Giá vốn hàng bán	VI.22	278.071.349.194	315.434.850.524
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV		67.453.188.968	150.295.628.971
21	Doanh thu hoạt động tài chính	V.23	32.468.534.453	36.135.731.269
22	Chi phí tài chính	V.24	1.113.369.567	1.525.718.804
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		859.266.364	1.302.332.025
24	Chi phí bán hàng		3.271.979.719	3.607.634.792
25	Chi phí quản lý doanh nghiệp		16.626.610.753	20.410.161.747
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		78.909.763.382	160.887.844.897
31	Thu nhập khác		51.310.361.733	38.898.901.106
32	Chi phí khác		6.069.531.175	4.819.392.991
40	Lợi nhuận khác		45.240.830.558	34.079.508.115
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		124.150.593.940	194.967.353.012
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.25	22.715.593.748	26.648.571.264
52	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		0	0
60	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		101.435.000.192	168.318.781.748
61	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VII.03	3.427	5.686



Người lập biểu  
Trần Thị Tố Anh  
Tây Ninh, Việt Nam  
Ngày 30 tháng 7 năm 2012



Kế toán trưởng  
Trần Ngọc Ân



Tổng Giám đốc  
Lê Văn Chánh

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

Theo phương pháp trực tiếp

Đơn vị tính : VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
1	2	3	4
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động SX kinh doanh</b>			
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp DV và doanh thu khác	01	356.445.157.037	467.559.590.487
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá dịch vụ	02	(102.980.562.482)	(81.886.437.190)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(267.112.024.979)	(234.528.465.129)
4. Tiền chi trả lãi	04	(788.890.637)	(1.302.332.025)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(20.829.704.007)	(19.885.316.091)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	4.138.763.271	3.851.709.339
7. Tiền chi khác cho hoạt động sản xuất kinh doanh	07	(189.677.632.225)	(76.707.008.274)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SX-KD</b>	<b>20</b>	<b>(220.804.894.022)</b>	<b>57.101.741.117</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(5.757.936.511)	(14.846.388.635)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	58.357.705.782	57.526.547.751
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị	23	0	(45.650.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ DH khác	24	63.000.000.000	15.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(14.000.000.000)	(3.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	0	0
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	26.789.186.316	20.533.667.373
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>128.388.955.587</b>	<b>29.563.826.489</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(2.286.659.667)	(11.607.202.072)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	0	0
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(67.589.382.500)	(88.799.647.500)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(69.876.042.167)</b>	<b>(100.406.849.572)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ</b>	<b>50</b>	<b>(162.291.980.602)</b>	<b>(13.741.281.966)</b>
<b>TIỀN TỒN ĐẦU KỲ</b>	<b>60</b>	<b>674.988.426.269</b>	<b>441.206.515.269</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	551.766.549	5.544.071.672
<b>TIỀN TỒN CUỐI KỲ</b>	<b>70</b>	<b>513.248.212.216</b>	<b>433.009.304.975</b>

*Trần Thị Tố Anh*

Người lập biểu

Trần Thị Tố Anh

Tây Ninh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 7 năm 2012

*Trần Ngọc Ân*

Kế toán trưởng

Trần Ngọc Ân



Tổng Giám đốc

Lê Văn Chánh